

UBND TỈNH HƯNG YÊN  
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 610 /BC-STP  
Kết quả thực hiện Đề án 06  
tháng 4/2024

Hưng Yên, ngày 21 tháng 5 năm 2024

Kính gửi: Tổ công tác Đề án 06 tỉnh (Công an tỉnh)

Thực hiện Công văn số 20/TCTĐA06 ngày 06/4/2024 của Tổ công tác Đề án 06 tỉnh về việc triển khai một số nội dung thúc đẩy thực hiện Đề án 06 và chế độ thống kê, báo cáo theo yêu cầu của UBND tỉnh về thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06; căn cứ chức năng, nhiệm vụ Sở Tư pháp báo cáo kết quả thực thực hiện Đề án 06 tháng 4/2024 (12/4/2024 - 11/5/2024) cụ thể như sau:

| ST<br>T | Dịch vụ công trực<br>tuyến | Kết<br>nối<br>với<br>Cổng<br>DVCQ<br>G (đã<br>kết<br>nối,<br>chưa<br>kết<br>nối) | Tổng số hồ sơ tiếp nhận |              |                                                   |                                                                                                       | Tình hình xử lý<br>hồ sơ (gồm trực<br>tiếp và trực<br>tuyến) |             |            | Khó<br>khăn,<br>vướng<br>mắc |
|---------|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-------------|------------|------------------------------|
|         |                            |                                                                                  | Tổng<br>số              | Trực<br>tiếp | Trực<br>tuyến<br>(Dịch<br>vụ công<br>Hưng<br>Yên) | Trực<br>tuyến<br>(Dịch<br>vụ công<br>liên<br>thông<br>đối với<br>đăng ký<br>khai<br>sinh,<br>khai tử) | Tỷ lệ<br>trực<br>tuyến<br>trên<br>tổng<br>số (%)             | Đúng<br>hạn | Quá<br>hạn |                              |
| 1       | 2                          |                                                                                  | 3 =<br>(4+5+<br>6)      | 4            | 5                                                 | 6                                                                                                     | 7                                                            | 8           | 9          | 10                           |
| I       | Đăng ký khai sinh          | Đã kết<br>nối                                                                    | 1821                    | 9            | 542                                               | 1270                                                                                                  |                                                              | 1821        | 0          |                              |
| 1       | UBND Thị xã Mỹ Hào         |                                                                                  | 175                     | 0            | 77                                                | 98                                                                                                    | 100                                                          | 175         |            |                              |
| 2       | UBND Huyện Văn Giang       |                                                                                  | 148                     | 4            | 21                                                | 123                                                                                                   | 97                                                           | 148         | 0          |                              |
| 3       | UBND Huyện Khoái<br>Châu   |                                                                                  | 228                     | 0            | 30                                                | 198                                                                                                   | 100                                                          | 228         | 0          |                              |
| 4       | UBND Huyện Kim Động        |                                                                                  | 275                     | 0            | 147                                               | 128                                                                                                   | 100                                                          | 275         | 0          |                              |
| 5       | UBND Thành phố Hưng<br>Yên |                                                                                  | 120                     | 0            | 22                                                | 98                                                                                                    | 100                                                          | 120         | 0          |                              |
| 6       | UBND Huyện Tiên Lữ         |                                                                                  | 129                     | 0            | 25                                                | 104                                                                                                   | 100                                                          | 129         | 0          |                              |
| 7       | UBND Huyện Yên Mỹ          |                                                                                  | 227                     | 0            | 66                                                | 161                                                                                                   | 100                                                          | 227         | 0          |                              |

| ST<br>T    | Dịch vụ công trực<br>tuyến | Kết<br>nối<br>với<br>Cổng<br>DVCQ<br>G (đã<br>kết<br>nối,<br>chưa<br>kết<br>nối) | Tổng số hồ sơ tiếp nhận |              |                                                   |                                                                                                       | Tỷ lệ<br>trực<br>tuyến<br>trên<br>tổng<br>số (%) | Tình hình xử lý<br>hồ sơ (gồm trực<br>tiếp và trực<br>tuyến) |            | Khó<br>khăn,<br>vướng<br>mắc |
|------------|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|------------|------------------------------|
|            |                            |                                                                                  | Tổng<br>số              | Trực<br>tiếp | Trực<br>tuyến<br>(Dịch<br>vụ công<br>Hưng<br>Yên) | Trực<br>tuyến<br>(Dịch<br>vụ công<br>liên<br>thông<br>đối với<br>đăng ký<br>khai<br>sinh,<br>khai tử) |                                                  | Đúng<br>hạn                                                  | Quá<br>hạn |                              |
| 8          | UBND Huyện Ân Thi          |                                                                                  | 280                     | 0            | 126                                               | 154                                                                                                   | 100                                              | 280                                                          | 0          |                              |
| 9          | UBND Huyện Phù Cừ          |                                                                                  | 131                     | 5            | 15                                                | 111                                                                                                   | 100                                              | 131                                                          | 0          |                              |
| 10         | UBND huyện Văn Lâm         |                                                                                  | 108                     | 0            | 13                                                | 95                                                                                                    | 100                                              | 108                                                          | 0          |                              |
| <b>II</b>  | <b>Đăng ký khai tử</b>     | Đã kết<br>nối                                                                    | <b>662</b>              | <b>8</b>     | <b>248</b>                                        | <b>406</b>                                                                                            |                                                  | <b>661</b>                                                   | <b>1</b>   |                              |
| 1          | UBND Huyện Tiên Lữ         |                                                                                  | 42                      | 0            | 13                                                | 29                                                                                                    | 100                                              | 41                                                           | 1          |                              |
| 2          | UBND Huyện Yên Mỹ          |                                                                                  | 76                      | 0            | 35                                                | 41                                                                                                    | 100                                              | 76                                                           | 0          |                              |
| 3          | UBND Huyện Kim Động        |                                                                                  | 108                     | 0            | 67                                                | 41                                                                                                    | 100                                              | 108                                                          | 0          |                              |
| 4          | UBND Huyện Ân Thi          |                                                                                  | 78                      | 0            | 16                                                | 62                                                                                                    | 100                                              | 78                                                           | 0          |                              |
| 5          | UBND Thành phố Hưng<br>Yên |                                                                                  | 66                      | 0            | 27                                                | 39                                                                                                    | 100                                              | 66                                                           | 0          |                              |
| 6          | UBND Huyện Khoái<br>Châu   |                                                                                  | 60                      | 0            | 0                                                 | 60                                                                                                    | 100                                              | 60                                                           | 0          |                              |
| 7          | UBND Thị xã Mỹ Hào         |                                                                                  | 68                      | 0            | 33                                                | 35                                                                                                    | 100                                              | 68                                                           | 0          |                              |
| 8          | UBND Huyện Phù Cừ          |                                                                                  | 48                      | 3            | 17                                                | 28                                                                                                    | 89                                               | 48                                                           | 0          |                              |
| 9          | UBND Huyện Văn Lâm         |                                                                                  | 58                      | 0            | 36                                                | 22                                                                                                    | 100                                              | 58                                                           | 0          |                              |
| 10         | UBND Huyện Văn Giang       |                                                                                  | 58                      | 5            | 4                                                 | 49                                                                                                    | 91                                               | 58                                                           | 0          |                              |
| <b>III</b> | <b>Đăng ký kết hôn</b>     | Đã kết<br>nối                                                                    | <b>512</b>              | <b>3</b>     | <b>509</b>                                        | <b>0</b>                                                                                              |                                                  | <b>512</b>                                                   | <b>0</b>   |                              |
| 1          | UBND Thành phố Hưng<br>Yên |                                                                                  | 55                      | 0            | 55                                                | 0                                                                                                     | 100                                              | 55                                                           |            |                              |
| 2          | UBND Huyện Tiên Lữ         |                                                                                  | 26                      | 0            | 26                                                | 0                                                                                                     | 100                                              | 26                                                           | 0          |                              |

| ST<br>T   | Dịch vụ công trực<br>tuyến           | Kết<br>nối<br>với<br>Cổng<br>DVCQ<br>G (đã<br>kết<br>nối,<br>chưa<br>kết<br>nối) | Tổng số hồ sơ tiếp nhận |              |                                                   |                                                                                                       | Tình hình xử lý<br>hồ sơ (gồm trực<br>tiếp và trực<br>tuyến) |             |            | Khó<br>khăn,<br>vướng<br>mắc                                    |
|-----------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-------------|------------|-----------------------------------------------------------------|
|           |                                      |                                                                                  | Tổng<br>số              | Trực<br>tiếp | Trực<br>tuyến<br>(Dịch<br>vụ công<br>Hưng<br>Yên) | Trực<br>tuyến<br>(Dịch<br>vụ công<br>liên<br>thông<br>đối với<br>đăng ký<br>khai<br>sinh,<br>khai tử) | Tỷ lệ<br>trực<br>tuyến<br>trên<br>tổng<br>số (%)             | Đúng<br>hạn | Quá<br>hạn |                                                                 |
| 3         | UBND Huyện Yên Mỹ                    |                                                                                  | 64                      | 0            | 64                                                | 0                                                                                                     | 100                                                          | 64          | 0          |                                                                 |
| 4         | UBND Huyện Phù Cừ                    |                                                                                  | 35                      | 3            | 32                                                | 0                                                                                                     | 91.43                                                        | 35          |            |                                                                 |
| 5         | UBND Huyện Văn Giang                 |                                                                                  | 48                      | 0            | 48                                                | 0                                                                                                     | 100                                                          | 48          | 0          |                                                                 |
| 6         | UBND Thị xã Mỹ Hào                   |                                                                                  | 64                      | 0            | 64                                                | 0                                                                                                     | 100                                                          | 64          |            |                                                                 |
| 7         | UBND Huyện Ân Thi                    |                                                                                  | 73                      | 0            | 73                                                | 0                                                                                                     | 100                                                          | 73          | 0          |                                                                 |
| 8         | UBND Huyện Kim Động                  |                                                                                  | 53                      | 0            | 53                                                | 0                                                                                                     | 100                                                          | 53          | 0          |                                                                 |
| 9         | UBND Huyện Khoái<br>Châu             |                                                                                  | 45                      | 0            | 45                                                | 0                                                                                                     | 100                                                          | 45          | 0          |                                                                 |
| 10        | UBND Huyện Văn Lâm                   |                                                                                  | 49                      | 0            | 49                                                | 0                                                                                                     | 100                                                          | 49          | 0          |                                                                 |
| <b>IV</b> | <b>Cấp Phiếu lý lịch tư<br/>pháp</b> | Đã kết<br>nối                                                                    | <b>1128</b>             | <b>244</b>   | <b>884</b>                                        |                                                                                                       | <b>78,37</b>                                                 | <b>748</b>  | <b>13</b>  | 367 hồ sơ<br>còn lại<br>đang<br>trong thời<br>hạn giải<br>quyết |

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Trần Thế Tiệm**